

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 108/2024/HS-ST
Ngày 25 - 4 - 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Điều Thị Kim Liên.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Vi Thị Bình;
Bà Nguyễn Thị Kim Thanh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Đức - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 114/2024/TLST-HS ngày 22 tháng 3 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 110/2024/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 4 năm 2024 đối với bị cáo:

Đặng Trường S, sinh năm 1969 tại huyện M, tỉnh Sơn La. Nơi cư trú: Tiểu khu X, xã C, huyện M, tỉnh Sơn La; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Đảng phái, đoàn thể: Không; con ông Đặng Đình M1 (đã chết) và bà Nguyễn Thị H. Bị cáo có vợ thứ nhất là Chu Thị N đã ly hôn năm 1991, có 01 con chung sinh năm 1991; có vợ thứ hai là Đỗ L đã ly hôn năm 1996, không có con chung; vợ thứ ba là Nguyễn Thị T, có 01 con chung sinh năm 2024.

Tiền án: Có 01 tiền án, bị Tòa án nhân dân tỉnh H1 xử phạt 18 năm tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy, 02 năm tù về tội Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có, 06 tháng tù về tội Giả mạo giấy chứng nhận của cơ quan nhà nước, tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 20 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 19/8/1997; tịch thu sung công 24.500.000 đồng, phạt bổ sung 30.000.000 đồng, án phí hình sự sơ thẩm 50.000 đồng tại Bản án số 37/HSST ngày 16/3/1999; bị cáo chấp hành xong hình phạt tù ngày 19/4/2014; chấp hành xong nghĩa vụ thi hành án dân sự ngày 05/01/2024.

Tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 16/12/2023 đến ngày

25/12/2023 được thay thế biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo tại ngoại. Có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

+ Anh Phạm Hồng Q, sinh năm 1981. Nơi cư trú: Tiểu khu X1, xã C1, huyện M, tỉnh Sơn La. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

+ Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1985. Nơi cư trú: Tiểu khu X, xã C, huyện M, tỉnh Sơn La. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Đặng Trường S làm nghề cắt tóc và mua bán điện thoại tại nhà riêng ở tiểu khu X, xã C, huyện M, tỉnh Sơn La. Ngày 29/11/2023, S cho Phạm Hồng Q vay số tiền 300.000.000 đồng, tài sản thế chấp là chiếc xe ô tô MAZDA CX5 biển kiểm soát 26A-189.27 của Q (*có nguồn gốc mua lại của Nguyễn Xuân T1 vào ngày 09/11/2023*) với lãi suất 5.000 đồng/01 triệu đồng/01 ngày, thời gian vay 07 ngày và yêu cầu thanh toán luôn tiền lãi. Q đã viết Giấy vay tiền đề ngày 29/11/2023 với nội dung vay của S số tiền 300.000.000 đồng, thời gian vay 07 ngày kể từ ngày 29/11/2023 đến ngày 06/12/2023. Cùng ngày 29/11/2023, Q đã chuyển khoản 10.500.000 đồng tiền lãi của 07 ngày từ tài khoản VietinBank số 100875857388 mang tên Phạm Hồng Q đến tài khoản BIDV số 4110000466953 mang tên Nguyễn Thị T (*vợ của Đặng Trường S*) theo yêu cầu của S.

Đến ngày 06/12/2023, do chưa có tiền để trả cho S nên Q đã xin S cho tăng thời gian vay khoản tiền 300.000.000 đồng nêu trên thành 01 tháng (*30 ngày*) tính từ ngày 29/11/2023 đến ngày 29/12/2023, S đồng ý và yêu cầu Q thanh toán luôn tiền lãi. Cùng ngày 06/12/2023, Q đã chuyển khoản 34.500.000 đồng tiền lãi của 23 ngày (*từ ngày 07/12/2023 đến ngày 29/12/2023*) từ tài khoản VietinBank số 100875857388 mang tên Phạm Hồng Q đến tài khoản BIDV số 4110000466953 mang tên Nguyễn Thị T và viết lại Giấy vay tiền với nội dung vay của S số tiền 300.000.000 đồng từ ngày 29/11/2023 đến ngày 29/12/2023.

Tổng số tiền lãi của khoản vay 300.000.000 đồng trong thời gian 30 ngày (*từ ngày 29/11/2023 đến ngày 29/12/2023*) Q đã thanh toán cho S là 10.500.000 đồng + 34.500.000 đồng = 45.000.000 đồng.

Theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 5 Thông tư số 14/2017/TT-NHNN ngày 29/9/2017 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định phương pháp tính lãi trong hoạt động nhận tiền gửi, cấp tín dụng giữa tổ chức tín dụng với khách hàng thì đối với khoản vay 300.000.000 đồng nêu trên thì mức lãi suất Q phải trả cho S trong 01 năm được tính như sau:

Lãi suất 01 ngày = $5.000 \text{ đồng} / 1.000.000 \text{ đồng} \times 01 \text{ ngày} \times 100 = 0,5\%$.

Lãi suất 01 năm = $0,5\% / \text{ngày} \times 365 \text{ ngày} = 182,5\%$.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự thì “*Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay*”. Hành vi Đặng Trường S cho Phạm Hồng Q vay số tiền 300.000.000 đồng với lãi suất 5.000 đồng/01 triệu/01 ngày, tương đương với mức lãi suất 182,5%/01 năm đã vượt 9,125 lần mức lãi suất cao nhất theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự nêu trên. Số tiền lãi hợp pháp S được thu đối với khoản vay này là: $300.000.000 \text{ đồng} \times 20\% / 365 \text{ ngày} \times 30 \text{ ngày} = 4.931.506,8 \text{ đồng}$, làm tròn bằng 4.932.000 đồng. Số tiền lãi S đã thu lợi bất chính là: $45.000.000 \text{ đồng} - 4.932.000 \text{ đồng} = 40.068.000 \text{ đồng}$.

Ngày 16/12/2023, khi Q đang thanh toán cho S 300.000.000 đồng tiền gốc của khoản vay nêu trên tại nhà ở của S thì bị Tổ công tác Phòng C1 Công an tỉnh Sơn La phát hiện, lập biên bản về hành vi cho vay lãi nặng của Đặng Trường S.

Quá trình làm việc với Đặng Trường S đã thu giữ vật chứng, tài liệu gồm: 01 giấy vay tiền đề ngày 29/11/2023 của Phạm Hồng Q; số tiền 300.000.000 đồng; 01 hợp đồng mua bán xe ô tô đề ngày 09/11/2023; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 26009646; 01 giấy chứng nhận kiểm định số 5359311; 01 giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự của chủ xe ô tô số 0189830.

Hồi 09 giờ 50 phút ngày 16/12/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Sơn La đã tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở của Đặng Trường S tại Tiểu khu X, xã C, huyện M, tỉnh Sơn La, quá trình khám xét S đã giao nộp 03 giấy biên nhận vay tiền của Vàng Thị D, địa chỉ: Bản N1, xã C, huyện M, tỉnh Sơn La; Vì Văn N2, địa chỉ: Bản N3, xã P, huyện M, tỉnh Sơn La; Sòng Thị G, địa chỉ: Bản K, xã H2, huyện B, tỉnh Sơn La.

Ngoài ra, Đặng Trường S còn tự nguyện giao nộp số tiền 45.000.000 đồng; 01 chiếc xe ô tô nhãn hiệu MAZDA CX5 biển kiểm soát 26A-189.27; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu VIVO. Chị Nguyễn Thị T (vợ của S) tự nguyện giao nộp 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu VIVO.

Quá trình điều tra, ngày 26/12/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Sơn La đã ra Quyết định xử lý tài sản, đồ vật, tài liệu số 14/QĐ-CSHS bằng hình thức trả lại cho Phạm Hồng Q chiếc xe ô tô nhãn hiệu MAZDA CX5 biển kiểm soát 26A-189.27 và các giấy tờ liên quan gồm: 01 hợp đồng mua bán xe ô tô đề ngày 09/11/2023; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 26009646; 01 giấy chứng nhận kiểm định số 5359311; 01 giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự của chủ xe ô tô số 0189830.

Do có hành vi nêu trên, tại Cáo trạng số 47/CT-VKS-P3 ngày 22/3/2024 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La đã truy tố Đặng Trường S về tội Cho

vay lãi nặng trong giao dịch dân sự theo quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật Hình sự.

** Tại phiên tòa sơ thẩm:*

Bị cáo Đặng Trường S thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội như nội dung cáo trạng truy tố và không khai báo gì thêm.

** Tranh luận tại phiên tòa:*

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La trình bày luận tội, giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 201; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 36 Bộ luật Hình sự:

Tuyên bố bị cáo Đặng Trường S phạm tội Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự. Xử phạt bị cáo từ 09 tháng đến 12 tháng cải tạo không giam giữ. Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về vật chứng: Áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a, b khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tịch thu nộp ngân sách nhà nước: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu VIVO do Đặng Trường S giao nộp; số tiền 304.932.000 đồng, gồm 300.000.000 đồng Đặng Trường S sử dụng để cho vay lãi nặng và 4.932.000 đồng tiền lãi đã thu.

Trả lại cho bị cáo Đặng Trường S 03 giấy biên nhận vay tiền của Vàng Thị D, Vì Văn N2, Sông Thị G; trả lại cho chị Nguyễn Thị T 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu VIVO; trả lại cho Phạm Hồng Q số tiền 40.068.000 đồng.

Về án phí: Bị cáo Đặng Trường S phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Ý kiến tranh luận của bị cáo Đặng Trường S: Bị cáo nhất trí với tội danh mà Viện kiểm sát truy tố. Về mức hình phạt đề nghị bị cáo không nhất trí vì mức hình phạt cao so với hành vi phạm tội của bị cáo, hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn, vừa bị tai nạn sức khỏe yếu, bị cáo lại là lao động chính trong gia đình, bản thân bị cáo cũng nhận thức được hành vi sai trái vi phạm pháp luật của mình. Đề nghị Hội đồng xem xét cho bị cáo mức hình phạt thấp nhất. Về số tiền 4.932.000 đồng là số tiền lãi hợp pháp bị cáo được thu đối với khoản vay 300.000.000 đồng và chiếc điện thoại di động Vivo của bị cáo không sử dụng vào việc phạm tội nên không nhất trí đề nghị tịch thu nộp ngân sách nhà nước. Bị cáo xin được trả lại.

Ý kiến đối đáp của đại diện Viện kiểm sát: Về mức hình phạt đề nghị áp dụng đối với bị cáo là đã căn cứ vào tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ của bị cáo. Tài liệu chứng cứ trong hồ sơ thể hiện cũng như lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, tại phiên tòa

có đủ căn cứ khẳng định bị cáo sử dụng điện thoại vào việc trao đổi, liên lạc với Phạm Hồng Q về việc cho vay lãi nặng; số tiền 4.932.000 đồng là số tiền lãi hợp pháp bị cáo được thu đối với khoản vay 300.000.000 đồng theo hướng dẫn Nghị quyết số 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20/12/2021 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 201 của Bộ luật hình sự và việc xét xử vụ án hình sự về tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự thì phải tịch thu sung quỹ nhà nước. Do đó đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên đề nghị.

Bị cáo không tranh luận thêm, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ mức hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tố tụng: Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến tham gia phiên tòa nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, việc vắng mặt của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định khoản 1 Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[3] Về hành vi phạm tội của bị cáo

Ngày 29/11/2023, Đặng Trường S đã có hành vi cho Phạm Hồng Q vay số tiền 300.000.000 đồng, tài sản thế chấp là chiếc xe ô tô MAZDA CX5 biển kiểm soát 26A-189.27 của Q, thời gian vay 07 ngày từ ngày 29/11/2023 đến ngày 06/12/2023, sau đó gia hạn thời gian vay thành 30 ngày từ ngày 29/11/2023 đến ngày 29/12/2023 với lãi suất 5.000 đồng/01 triệu/01 ngày, tương đương với mức lãi suất 182,5%/01 năm vượt 9,125 lần mức lãi suất cao nhất theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự. Tổng số tiền lãi S đã thu của Q đối với khoản vay nêu trên là 45.000.000 đồng (ngày 29/11/2023 (ngày vay tiền), Q chuyển khoản vào tài khoản BIDV của Nguyễn Thị T (vợ của S) 10.500.000 đồng; ngày 06/12/2023 (ngày gia hạn thời gian vay) Q chuyển khoản vào tài khoản BIDV của Nguyễn Thị T 34.500.000 đồng), trong đó số tiền lãi hợp pháp S được thu là 4.932.000 đồng; số tiền S thu lợi bất chính là 40.068.000 đồng.

Ngày 16/12/2023, khi Q đang thanh toán cho S 300.000.000 đồng tiền gốc của khoản vay nêu trên tại nhà ở của S thì bị Tổ công tác Phòng C1 Công an tỉnh Sơn La phát hiện, lập biên bản về hành vi cho vay lãi nặng của Đặng Trường S

Hành vi phạm tội của bị cáo được chứng minh bằng các căn cứ sau:

- Đơn tố giác tội phạm đề ngày 14/12/2023 của Phạm Hồng Q kèm 01 ảnh chụp giấy vay tiền đề ngày 29/11/2023 của Phạm Hồng Q với nội dung vay của Đặng Trường S số tiền 300.000.000 đồng; 02 ảnh chụp màn hình điện thoại thông tin giao dịch chuyển khoản tiền lãi khoản vay 300.000.000 đồng từ tài khoản Vietinbank mang tên Phạm Hồng Q đến tài khoản BIDV số 41110000466953 mang tên Nguyễn Thị T, lần 1 ngày 29/11/2023 số tiền 10.500.000 đồng, lần 2 ngày 06/12/2023 số tiền 34.500.000 đồng. Phù hợp với kết quả sao kê tài khoản BIDV; kết quả kiểm tra biến động số dư trên ứng dụng của BIDV trên điện thoại di động của Nguyễn Thị T thể hiện có 02 giao dịch nhận tiền (*phát sinh có*) từ tài khoản Vietinbank của Phạm Hồng Q nêu trên.

- Biên bản làm việc do Tổ công tác Phòng C1 Công an tỉnh Sơn La lập hồi 09 giờ ngày 16/12/2023 tại nhà ở của Đặng Trường S tại Tiểu khu X, xã C, huyện M, tỉnh Sơn La đối với Đặng Trường S cùng vật chứng, tài liệu thu giữ gồm: 01 giấy vay tiền đề ngày 29/11/2023 của Phạm Hồng Q; số tiền 300.000.000 đồng.

- Lời khai nhận tội của Đặng Trường S tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của Phạm Hồng Q (*là người vay tiền*) và kết quả kiểm tra điện thoại di động của Đặng Trường S thể hiện có các cuộc gọi giữa Q và S trong khoảng thời gian từ ngày 28/11/2023 đến ngày 16/12/2023; phù hợp với các tài liệu, chứng cứ được thu thập hợp pháp có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa.

Với các căn cứ chứng minh trên có đủ cơ sở kết luận hành vi của bị cáo Đặng Trường S đã phạm vào tội Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự, tội phạm và hình phạt quy định tại Điều 201 Bộ luật Hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La truy tố đối với bị cáo về tội danh nêu trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Về tình tiết định khung hình phạt

Bị cáo Đặng Trường S là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi cho vay lãi nặng là vi phạm pháp luật nhưng vì vụ lợi vẫn cố ý thực hiện hành vi cho vay tiền với lãi suất 5.000 đồng/01 triệu/01 ngày, tương đương với mức lãi suất 182,5%/01 năm vượt 9,125 lần mức lãi suất cao nhất theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự, thu lợi bất chính số tiền 40.068.000 đồng, đã vi phạm tình tiết định khung hình phạt “... cho vay với lãi suất gấp 05 lần trở lên của mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự, thu lợi bất chính từ 30.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng ...” quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật Hình sự, có mức phạt tiền từ 50.000.000

đồng đến 200.000.000 đồng hoặc phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng.

[5] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo

Hành vi phạm tội của bị cáo Đặng Trường S trực tiếp xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của nhà nước trong hoạt động tín dụng, kinh doanh tiền tệ; xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của người vay tiền; là một trong những nguyên nhân gián tiếp ảnh hưởng đến tình hình an ninh, trật tự, an toàn xã hội tại địa phương.

[6] Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự

Về nhân thân: Bị cáo Đặng Trường S có nhân thân xấu, đã bị Tòa án nhân dân tỉnh H1 xét xử và xử phạt 18 năm tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy, 02 năm tù về tội Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có, 06 tháng tù về tội Giả mạo giấy chứng nhận của cơ quan nhà nước, tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 20 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 19/8/1997; tịch thu sung công 24.500.000 đồng, phạt bổ sung 30.000.000 đồng, án phí hình sự sơ thẩm 50.000 đồng tại Bản án số 37/HSST ngày 16/3/1999; bị cáo chấp hành xong hình phạt tù ngày 19/4/2014; chấp hành xong nghĩa vụ thi hành án dân sự ngày 05/01/2024, sau khi đã có quyết định khởi tố bị can theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 70 Bộ luật Hình sự thì bị cáo chưa được xóa án tích.

Tình tiết tăng nặng: Bị cáo đã bị kết án, chưa được xóa án tích lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội do cố ý nên thuộc trường hợp “*tái phạm*”, là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo đã tự nguyện giao nộp toàn bộ số tiền thu lợi bất chính để khắc phục hậu quả; bố đẻ bị cáo là ông Đặng Đình M1 và mẹ đẻ là bà Nguyễn Thị H là người có công với nước, được tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng Nhì nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[7] Về mức hình phạt áp dụng

Hội đồng xét xử xét thấy, bị cáo phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng và có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn, bị cáo không có nghề nghiệp, thu nhập ổn định, bản thân thường xuyên đau ốm, bệnh tật, là lao động chính trong gia đình, mẹ già, con còn nhỏ, bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, do vậy Hội đồng xét xử xét thấy áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ đối với bị cáo là phù hợp đảm bảo tính giáo dục, răn đe, phù hợp với đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

Về khấu trừ thu nhập: Do bị cáo không có nghề nghiệp, thu nhập tài sản nên miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo.

[8] Về hình phạt bổ sung

Ngoài hình phạt chính, bị cáo còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung theo quy định tại khoản 3 Điều 201 Bộ luật Hình sự nhưng xét hoàn cảnh của bị cáo không có nghề nghiệp, thu nhập, bản thân thường xuyên đau ốm, bệnh tật, không có khả năng thi hành án nên thấy không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[9] Về các đối tượng có liên quan trong vụ án

Đối với Nguyễn Thị T là vợ của bị cáo Đặng Trường S: Kết quả điều tra xác định sau khi cho Phạm Hồng Q vay tiền, S 02 lần yêu cầu Q trả tiền lãi bằng hình thức chuyển khoản vào tài khoản BIDV số 41110000466953 của T (do S không có tài khoản ngân hàng). Tuy nhiên, khi thu tiền lãi do Q chuyển khoản, S chỉ bảo T kiểm tra tài khoản đã nhận được tiền chưa, sau khi kiểm tra thấy tài khoản có tiền thì T thông báo cho S biết. Ngoài ra, S không trao đổi, bàn bạc thêm nội dung gì liên quan đến khoản vay của Q với T; T không biết nội dung trao đổi, thỏa thuận giữa S và Q; không biết và không liên quan đến hành vi phạm tội của Q. Do đó, Cơ quan điều tra xác định Nguyễn Thị T không có dấu hiệu đồng phạm với Đặng Trường S trong hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

Đối với 03 người có tên trong các giấy biên nhận vay tiền do bị cáo Đặng Trường S giao nộp gồm: Vàng Thị D, địa chỉ: Bản N1, xã C, huyện M, tỉnh Sơn La; Vì Văn N2, địa chỉ: Bản N3, xã P, huyện M, tỉnh Sơn La; Sông Thị G, địa chỉ: Bản K, xã H2, huyện B, tỉnh Sơn La. Kết quả điều tra xác định việc S cho Vàng Thị D, Vì Văn N2, Sông Thị G vay tiền là giao dịch dân sự thông thường, không vi phạm pháp luật nên những người này không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo.

[10] Về xử lý vật chứng, tài sản

Đối với 01 chiếc xe ô tô nhãn hiệu MAZDA CX5 biển kiểm soát 26A-189.27 và các giấy tờ liên quan gồm: 01 hợp đồng mua bán xe ô tô đề ngày 09/11/2023; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 26009646; 01 giấy chứng nhận kiểm định số 5359311; 01 giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự của chủ xe ô tô số 0189830: Kết quả điều tra xác định đây là tài sản của Phạm Hồng Q, không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo Đặng Trường S nên ngày 26/12/2023, Cơ quan điều tra ra Quyết định xử lý tài sản, đồ vật, tài liệu số 14/QĐ-CSHS bằng hình thức trả lại cho Phạm Hồng Q là có căn cứ, đúng pháp luật.

Đối với 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu VIVO do bị cáo Đặng

Trường S giao nộp: Xét đây là phương tiện bị cáo sử dụng liên hệ với Phạm Hồng Q để thực hiện hành vi cho vay lãi nặng nên cần tịch thu nộp ngân sách nhà nước.

Đối với 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu VIVO do Nguyễn Thị T giao nộp: Mặc dù trong ứng dụng của BIDV trên điện thoại của T thể hiện có 02 giao dịch nhận tiền lãi do Phạm Hồng Q chuyển khoản vào ngày 29/11/2023 và ngày 06/12/2023 nhưng việc Q chuyển khoản vào tài khoản của T là theo yêu cầu của bị cáo Đặng Trường S; T không biết và không liên quan đến hành vi phạm tội của S nên cần trả lại chiếc điện thoại di động nêu trên cho Nguyễn Thị T.

Đối với 03 tờ giấy biên nhận vay tiền mang tên Vàng Thị D, Vì Văn N2, Sông Thị G: Xét không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo Đặng Trường S nên cần trả lại cho bị cáo.

Vận dụng quy định tại Điều 5 Nghị quyết số 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20/12/2021 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, xử lý đối với số tiền 345.000.000 đồng (*gồm 300.000.000 đồng thu giữ và 45.000.000 đồng do Đặng Trường S giao nộp*) như sau: Tịch thu nộp ngân sách nhà nước 304.932.000 đồng, gồm 300.000.000 đồng bị cáo Đặng Trường S sử dụng để cho vay lãi nặng và 4.932.000 đồng tiền lãi đã thu. Trả lại cho Phạm Hồng Q 40.068.000 đồng tiền bị cáo Đặng Trường S đã thu lợi bất chính.

[11] Về án phí

Bị cáo Đặng Trường S phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 201; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 36 Bộ luật Hình sự:

Tuyên bố bị cáo Đặng Trường S phạm tội Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự.

Xử phạt bị cáo Đặng Trường S 09 (*chín*) tháng cải tạo không giam giữ, được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 16/12/2023 đến ngày 25/12/2023, quy đổi bằng 30 ngày cải tạo không giam giữ. Bị cáo còn phải chấp hành 08 (*tám*) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Cơ quan thi hành án hình sự cấp huyện nhận được Quyết định thi hành án.

Giao bị cáo Đặng Trường S cho Ủy ban nhân dân xã C, huyện M, tỉnh Sơn La giám sát, giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã C, huyện M, tỉnh Sơn La trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 100

của Luật Thi hành án hình sự. Trong thời gian chấp hành án, bị cáo phải thực hiện một số nghĩa vụ theo quy định về cải tạo không giam giữ.

Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

2. Về xử lý vật chứng, tài sản: Căn cứ điểm a, b khoản 1, khoản 2 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a, b khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tịch thu nộp ngân sách nhà nước: 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu VIVO 1915, màn hình cảm ứng, khung viền màu xanh đen, lắp kèm 01 sim, được niêm phong trong một chiếc bì thư còn nguyên niêm phong (*thu giữ của Đặng Trường S*).

- Trả lại cho chị Nguyễn Thị T 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu VIVO, màn hình cảm ứng, mặt lưng màu xanh, được niêm phong trong một chiếc bì thư còn nguyên niêm phong.

- Trả lại cho bị cáo Đặng Trường S:

+ 01 (một) tờ giấy biên nhận vay tiền không viết ngày của Vàng Thị D, địa chỉ: Bản N1, xã C, huyện M, tỉnh Sơn La;

+ 01 (một) tờ giấy biên nhận vay tiền ngày 10/12/2023 của Vì Văn N2, địa chỉ: Bản N3, xã P, huyện M, tỉnh Sơn La;

+ 01 (một) tờ giấy biên nhận vay tiền ngày 31/3/2023 của Sông Thị G, địa chỉ: Bản K, xã H2, huyện B, tỉnh Sơn La.

(*Hiện trạng, đặc điểm vật chứng, tài sản theo Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản lập hồi 15 giờ 10 phút ngày 12/3/2024 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Sơn La và Cục Thi hành án dân sự tỉnh Sơn La*).

- Đối với số tiền 345.000.000 đồng (*ba trăm bốn mươi lăm triệu đồng*) đã được chuyển vào tài khoản 3949.0.1054135 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Sơn La tại Kho bạc Nhà nước Sơn La theo Ủy nhiệm chi số 253 ngày 14/3/2024 (*Theo Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản lập hồi 15 giờ 10 phút ngày 21/3/2024 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Sơn La và Cục Thi hành án dân sự tỉnh Sơn La*) xử lý như sau:

- Tịch thu nộp ngân sách nhà nước số tiền 304.932.000 đồng (*ba trăm linh tư triệu chín trăm ba mươi hai nghìn đồng*).

- Trả lại cho Phạm Hồng Q số tiền 40.068.000 đồng (*bốn mươi triệu không trăm sáu mươi tám nghìn đồng*).

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và

sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Buộc bị cáo Đặng Trường S phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Bị cáo được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 25/4/2024). Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Sơn La;
- Cục THADS tỉnh Sơn La;
- Sở Tư pháp tỉnh Sơn La;
- Phòng PC 02 Công an tỉnh Sơn La;
- Cơ quan HSNV Công an tỉnh Sơn La;
- UBND xã C, huyện M, tỉnh Sơn La;
- Những người tham gia tố tụng;
- Phòng KTNV&THA;
- Tổ Hành chính tư pháp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đieu Thị Kim Liên